



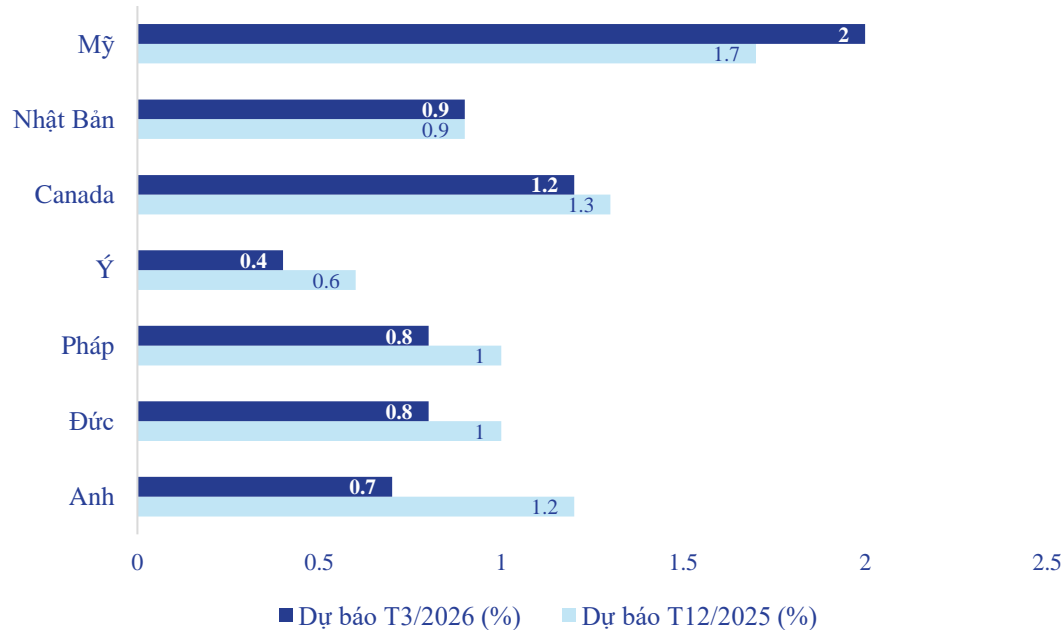
BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 03.2026

Hà Nội, 09 tháng 04 năm 2026

Chủ đề	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Quốc tế	<p>Sự đảo chiều chính sách lãi suất các NHTW trước biến động địa chính trị</p> <p>Tháng 03/2026, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn biến động mạnh khi xung đột quân sự tại Trung Đông trở thành cú sốc trung tâm chi phối thị trường tài chính toàn cầu. Rủi ro lớn nhất đến từ giá năng lượng và gián đoạn chuỗi vận tải, đặc biệt trong bối cảnh lo ngại liên quan đến eo biển Hormuz, khiến áp lực lạm phát toàn cầu gia tăng trở lại.</p> <p>Biến cố này làm đảo chiều kỳ vọng chính sách tiền tệ, chấm dứt sớm kỳ vọng nới lỏng đã hình thành từ cuối năm 2025 và buộc các NHTW lớn quay lại ưu tiên kiểm soát lạm phát.</p>	Tiêu cực
	<p>GDP quý I/2026 tăng 7,83%, động lực đến từ dịch vụ và sản xuất</p> <p>Quý I/2026, GDP ước tăng 7,83% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,07% của quý I/2025, cho thấy đà phục hồi tích cực và đồng đều hơn giữa các khu vực kinh tế. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn kịch bản 9,1% cần thiết để hướng tới mục tiêu tăng trưởng 10% cả năm, chủ yếu do áp lực chi phí đầu vào và khả năng hấp thụ vốn của khu vực tư nhân còn hạn chế.</p>	Trung lập
Vĩ mô Việt Nam	<p>Kinh tế tháng 3/2026: sản xuất chậm lại, sức cầu hạ nhiệt</p> <p>Tháng 3/2026, khu vực sản xuất phát tín hiệu chậm lại khi PMI giảm xuống 51,2 điểm; dù vẫn nằm trên ngưỡng mở rộng, đà tăng sản lượng và đơn hàng đã yếu đi dưới tác động của chi phí đầu vào tăng cao. Bức tranh ngoại thương tháng 03 phơi bày sự lệ thuộc lớn vào ngoại lực và sự hụt hơi của khu vực trong nước khi khối FDI tiếp tục là động lực chính với kim ngạch xuất khẩu đạt 37,48 tỷ USD (chiếm 80,7% tổng XK), duy trì trạng thái xuất siêu khoảng 3,82 tỷ USD trong riêng tháng 03. Trong khi đó, XK khối nội địa chỉ đạt 8,96 tỷ USD, tăng 39,2% mom</p>	Tiêu cực
	<p>Tiêu điểm FDI: Dòng vốn thực hiện đạt "đỉnh" 5 năm</p> <p>Tháng 3/2026, dòng vốn FDI giải ngân tăng mạnh, với vốn thực hiện ước đạt 2,01 tỷ USD, qua đó nâng tổng vốn FDI thực hiện quý I lên 5,41 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ và là mức cao nhất của quý I trong 5 năm gần đây. Dòng vốn FDI đăng ký cũng phục hồi rõ nét trong tháng 3 sau giai đoạn chững lại đầu năm; riêng vốn đăng ký cấp mới đạt 2,14 tỷ USD với 334 dự án mới.</p>	Tích cực
	<p>CPI tháng 3 tăng mạnh, rủi ro chi phí đẩy rõ nét hơn</p> <p>Áp lực lạm phát là một trong những điểm "nóng" nhất trong bức tranh kinh tế quý 1 năm 2026. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2026 tăng 1,23% so với tháng trước và tăng tới 4,65% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng CPI cao nhất của tháng 3 trong vòng 5 năm qua.</p>	Tiêu cực

Sự đảo chiều chính sách lãi suất các NHTW trước biến động địa chính trị

Dự báo tăng trưởng của các quốc gia lớn bị ảnh hưởng bởi xung đột Iran



Khu vực/NHTW	Lãi suất điều hành hiện tại	Quyết định tháng 03/2026	Xu hướng chính sách dự kiến	Rủi ro chính
Hoa Kỳ (Fed)	3,50% – 3,75%	Giữ nguyên	Thận trọng (Wait-and-see)	Lạm phát năng lượng và nợ công
Châu Âu (ECB)	2,00% (Deposit)	Giữ nguyên	Có khả năng tăng lãi suất (Hawkish)	Stagflation (Lạm phát đình trệ)
Nhật Bản (BoJ)	0,75%	Giữ nguyên	Tăng dần lãi suất (Tightening bias)	Đồng Yên mất giá và giá dầu
Trung Quốc (PBoC)	3,00% (1Y LPR)	Giữ nguyên	Ổn định và hỗ trợ chọn lọc	Cầu nội địa yếu và nợ bất động sản
Úc (RBA)	4,35%	Tăng lãi suất	Thắt chặt mạnh nhất G10	Lạm phát dai dẳng và đầu cơ nhà đất

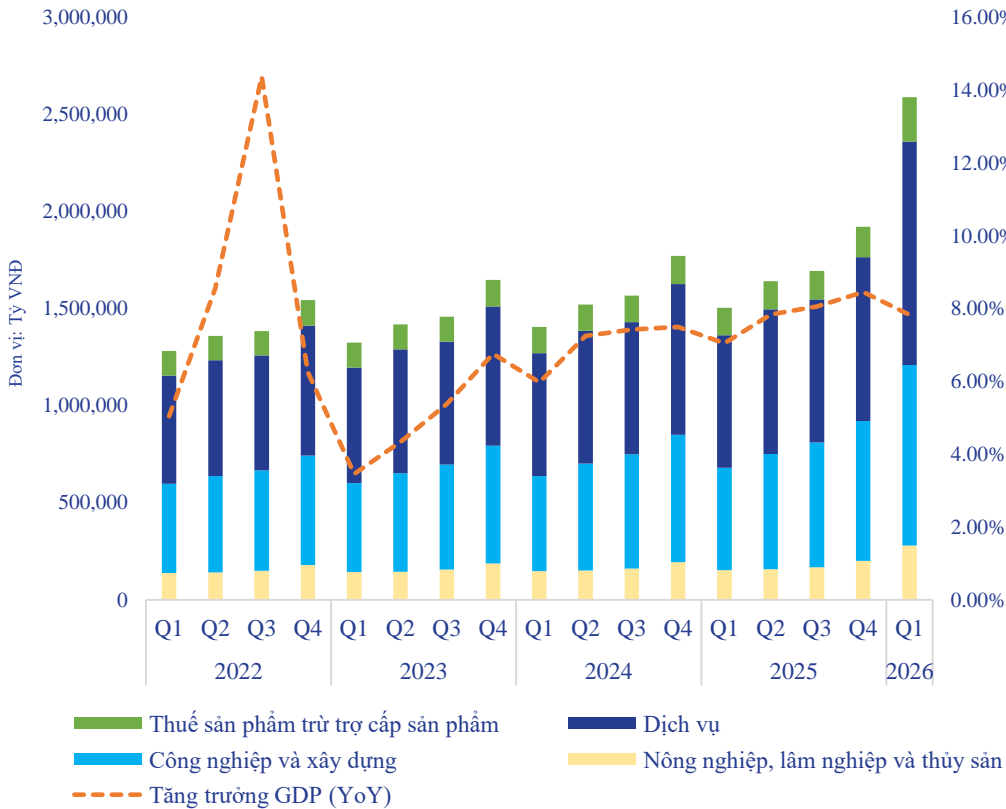
Nguồn: Trading Economics, OECD, CME group, NSI tổng hợp

- Tháng 03/2026, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn biến động mạnh khi xung đột quân sự tại Trung Đông trở thành cú sốc trung tâm chi phối thị trường tài chính toàn cầu. Rủi ro lớn nhất đến từ giá năng lượng và gián đoạn chuỗi vận tải, đặc biệt trong bối cảnh lo ngại liên quan đến eo biển Hormuz, khiến áp lực lạm phát toàn cầu gia tăng trở lại.
- Biên cố này làm đảo chiều kỳ vọng chính sách tiền tệ, chấm dứt sớm kỳ vọng nới lỏng đã hình thành từ cuối năm 2025 và buộc các NHTW lớn quay lại ưu tiên kiểm soát lạm phát. Đến giữa tháng 03, các NHTW lớn đồng loạt chuyển trọng tâm từ hỗ trợ tăng trưởng sang kiểm soát lạm phát, trong bối cảnh cú sốc năng lượng làm rủi ro giá cả quay trở lại:
 - Fed giữ nguyên lãi suất 3,50%–3,75% và phát tín hiệu thận trọng hơn, khi dự báo Core PCE năm 2026 được nâng lên 2,7%, lãi suất trung tính dài hạn tăng lên 3,125%
 - ECB cũng giữ nguyên lãi suất nhưng đổi mặt thể khó rõ hơn, khi lạm phát dự kiến tăng lên 2,6% trong khi tăng trưởng bị hạ xuống 0,9%, phản ánh rủi ro đình lạm ngày càng rõ tại châu Âu.
 - BoJ duy trì lãi suất thấp nhưng áp lực thắt chặt đã lớn hơn, do đồng Yên mất giá mạnh và chi phí nhập khẩu năng lượng tăng cao, khiến thị trường gia tăng kỳ vọng BoJ sẽ tiếp tục nâng lãi suất trong năm 2026.
 - Tại Trung Quốc và các thị trường mới nổi, xu hướng chung là thận trọng và ưu tiên ổn định, khi PBoC chưa nói lỏng mạnh do áp lực tỷ giá, còn nhiều nền kinh tế mới nổi phải đối mặt với rủi ro dòng vốn rút ra và lạm phát nhập khẩu gia tăng.

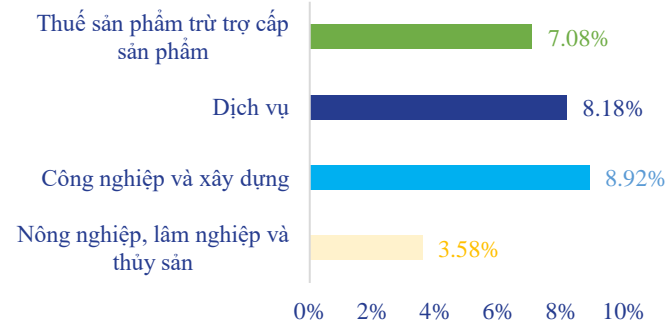
GDP quý I/2026 tăng 7,83%, động lực đến từ dịch vụ và sản xuất

Nguồn: NSI tổng hợp, GSO

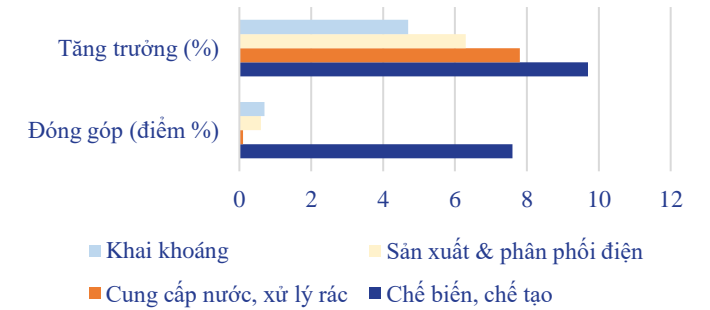
Tăng trưởng GDP Q1/2026 đạt 7.83%



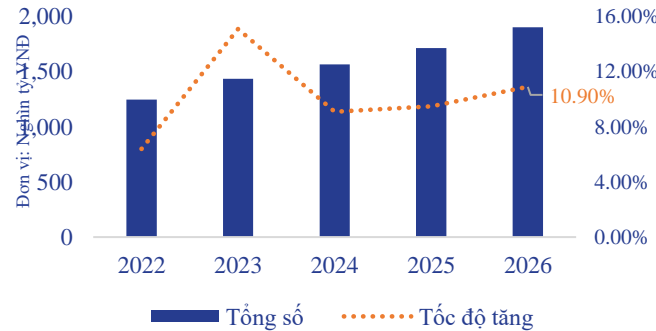
Tăng trưởng cấu phần của GDP Q1/2026



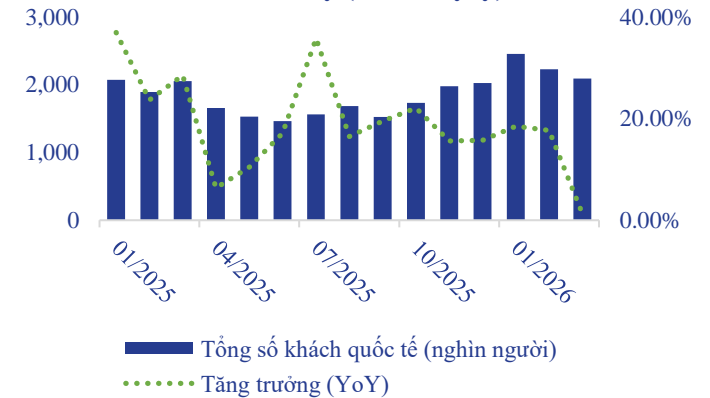
Chỉ số SX CN (IIP) Quý I/2026 + 9.0% yoy được đóng góp chủ yếu bởi chế biến chế tạo



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành Q1 từ 2022



Lượng khách quốc tế Q1/2026 cao nhất từ trước đến nay (+12.4% yoy)



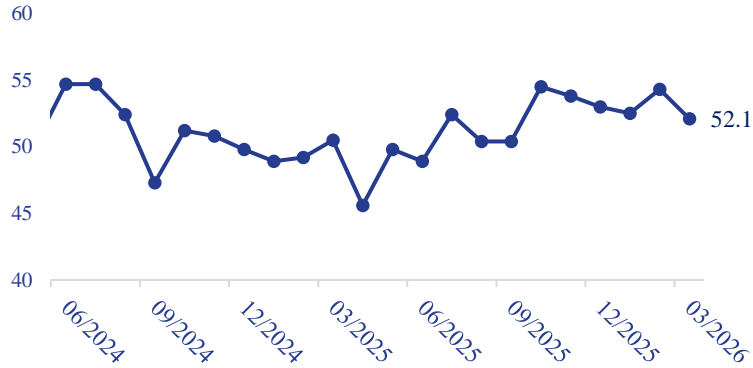
- Quý I/2026, GDP ước tăng 7,83% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,07% của quý I/2025, cho thấy đà phục hồi tích cực và đồng đều hơn giữa các khu vực kinh tế. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn thấp hơn kịch bản 9,1% cần thiết để hướng tới mục tiêu tăng trưởng 10% cả năm, chủ yếu do áp lực chi phí đầu vào và khả năng hấp thụ vốn của khu vực tư nhân còn hạn chế.
- Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực chính, đóng góp 50,32% giá trị tăng thêm của nền kinh tế, nhờ sức cầu tiêu dùng dịp Tết và lượng khách du lịch quốc tế đạt mức cao kỷ lục trong quý I.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,92%, đóng vai trò bệ đỡ quan trọng cho tăng trưởng, nổi bật là sự phục hồi của ngành chế biến, chế tạo.
- Sản xuất công nghiệp khởi sắc rõ nét khi IIP quý I tăng 9,0%, mức cao nhất trong các quý I từ năm 2020 đến nay; chỉ số tiêu thụ ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5%, cao hơn nhiều so với mức 5,4% của cùng kỳ 2025.

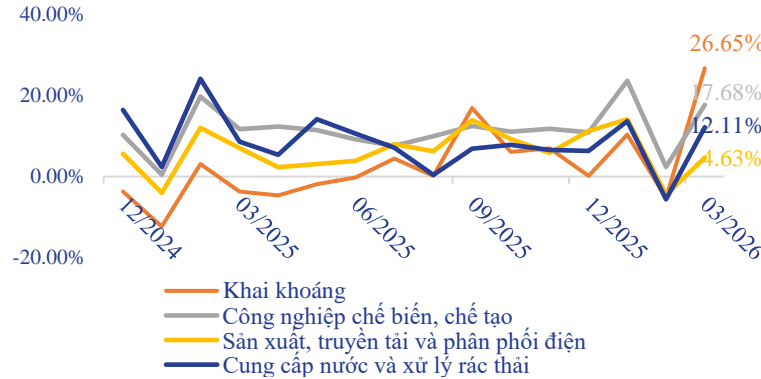
Kinh tế tháng 3/2026: sản xuất chậm lại, sức cầu hạ nhiệt

Nguồn: GSO, NSI tổng hợp

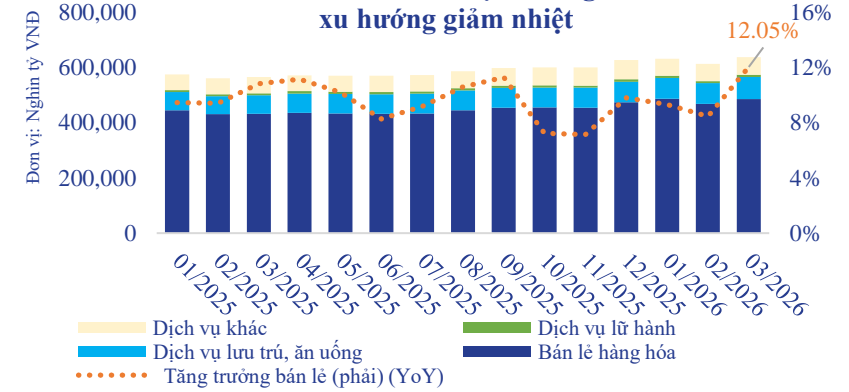
PMI phát tín hiệu chậm lại



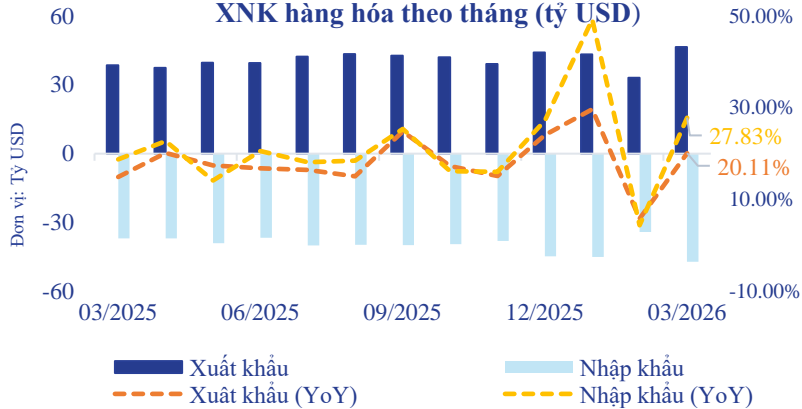
IIP tháng 03 đạt 6.9%



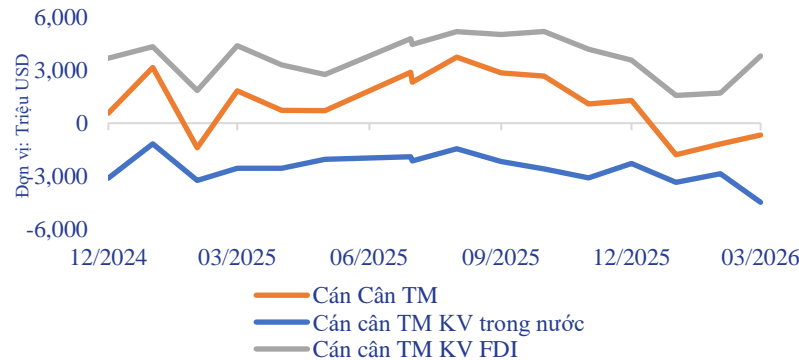
Doanh thu bán lẻ có cải thiện nhưng sức mua có xu hướng giảm nhiệt



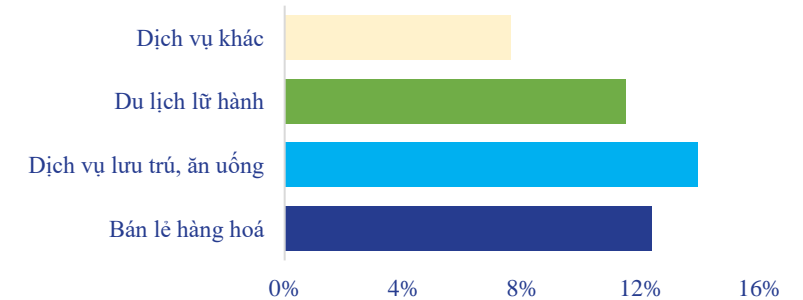
XNK hàng hóa theo tháng (tỷ USD)



Khối FDI “gánh” thặng dư thương mại



Dịch vụ ăn uống lưu trú tăng tốt trong tháng 03

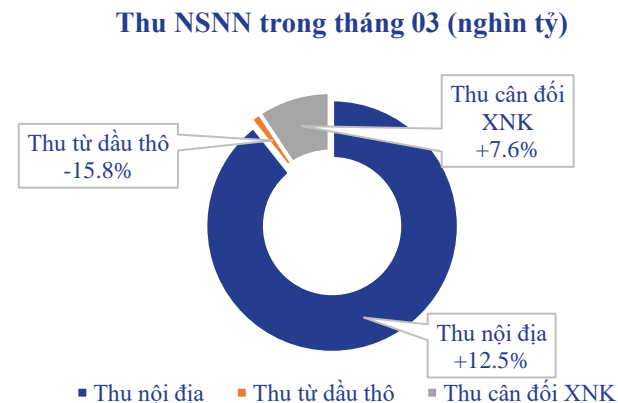
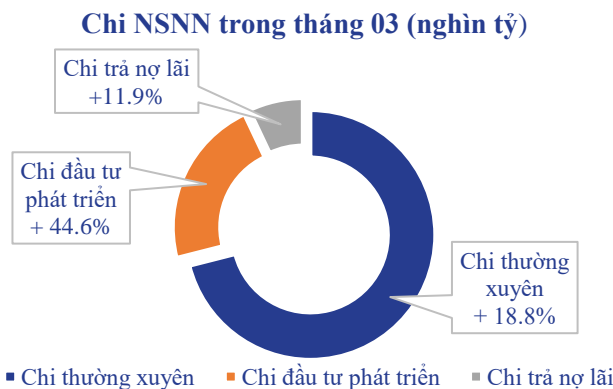
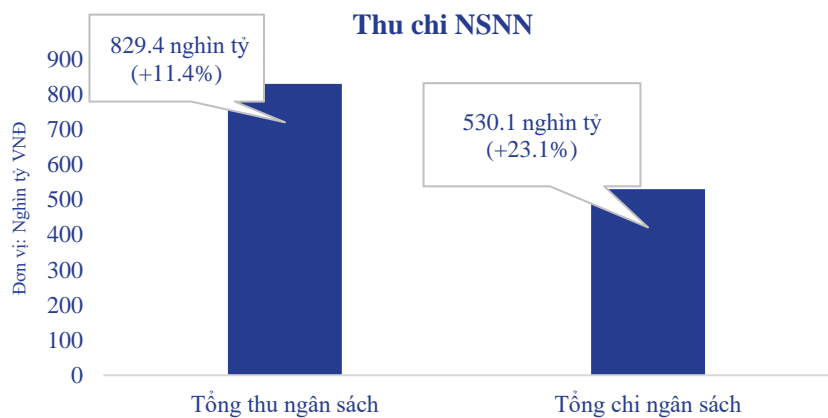
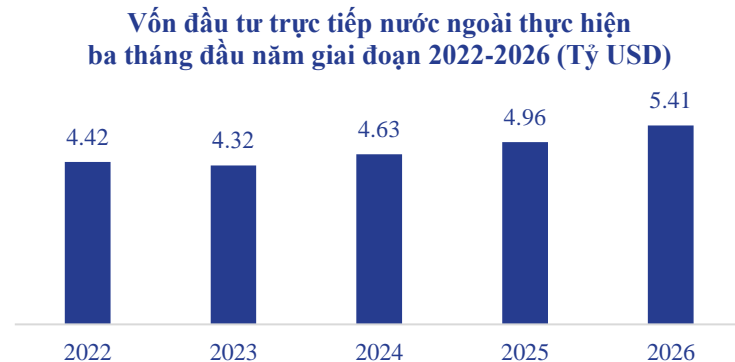
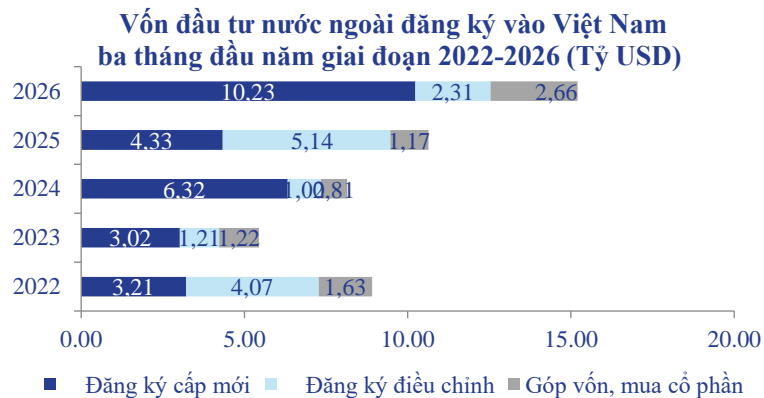
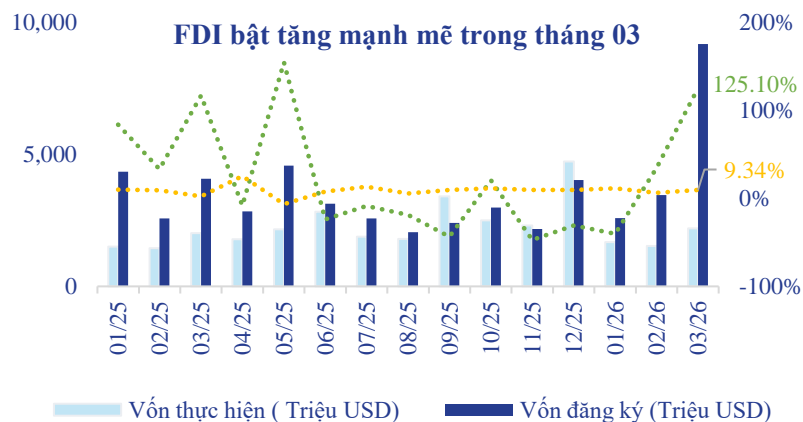


- Tháng 3/2026, khu vực sản xuất phát tín hiệu chậm lại khi PMI giảm xuống 51,2 điểm; dù vẫn nằm trên ngưỡng mở rộng, đà tăng sản lượng và đơn hàng đã yếu đi dưới tác động của chi phí đầu vào tăng cao.
- Áp lực chi phí đang bắt đầu lan rộng trong nền kinh tế: việc làm giảm, thời gian giao hàng kéo dài, niềm tin kinh doanh xuống mức thấp nhất trong 6 tháng; trong khi lạm phát lên mức cao nhất trong 5 năm và IIP ngành điện suy yếu, cho thấy rủi ro chi phí cao đang bào mòn dư địa tăng trưởng.
- Doanh thu bán lẻ: đạt 638,6 nghìn tỷ đồng trong tháng 03 (+12,1% yoy). Tuy nhiên, sức mua thực (sau khi loại trừ giá) có xu hướng giảm nhiệt do người dân thắt chặt chi tiêu vào các nhóm không thiết yếu như văn hóa, giải trí (giảm 0,05%) để bù đắp cho chi phí hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 4,55%)

- Bức tranh ngoại thương tháng 03 phơi bày sự lệ thuộc lớn vào ngoại lực và sự hụt hơi của khu vực trong nước khi khối FDI tiếp tục là động lực chính với kim ngạch xuất khẩu đạt 37,48 tỷ USD (chiếm 80,7% tổng XK), duy trì trạng thái xuất siêu khoảng 3,82 tỷ USD trong riêng tháng 03. Trong khi đó, XK khối nội địa chỉ đạt 8,96 tỷ USD, tăng 39,2% mom. Đáng chú ý, khối này nhập khẩu tới 13,45 tỷ USD (+40,8%), dẫn đến mức nhập siêu nội địa lên tới 4,49 tỷ USD chỉ trong một tháng. Đa số giá trị NK là nhóm hàng tư liệu sản xuất (máy móc, nguyên liệu). Điều này phản ánh xu hướng "nhập khẩu trước" (front-loading) để tích lũy nguyên liệu chuẩn bị cho các đơn hàng lớn và đối phó với rủi ro tăng giá vận tải toàn cầu.

Tiêu điểm FDI: Dòng vốn thực hiện đạt "đỉnh" 5 năm

Nguồn: GSO, NSI tổng hợp

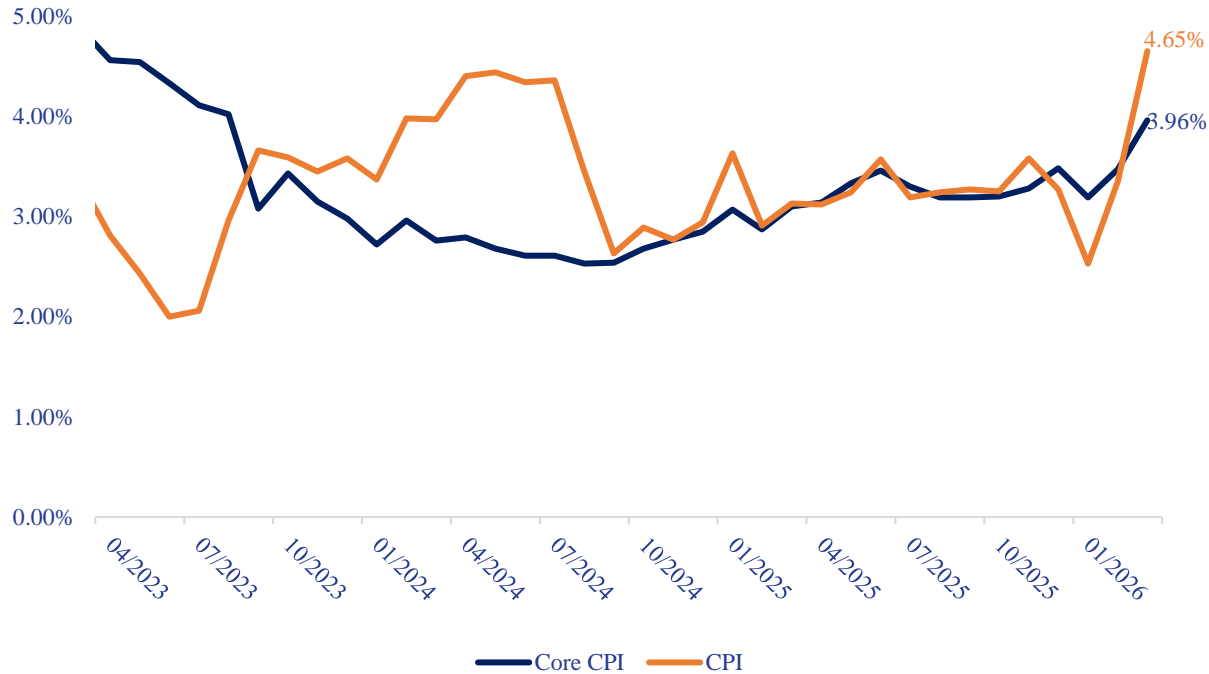


- Tháng 3/2026, dòng vốn FDI giải ngân tăng mạnh, với vốn thực hiện ước đạt 2,01 tỷ USD, qua đó nâng tổng vốn FDI thực hiện quý I lên 5,41 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ và là mức cao nhất của quý I trong 5 năm gần đây.
- Dòng vốn FDI đăng ký cũng phục hồi rõ nét trong tháng 3 sau giai đoạn chững lại đầu năm; riêng vốn đăng ký cấp mới đạt 2,14 tỷ USD với 334 dự án mới.
- Dòng vốn FDI tháng 3 phân bổ khá đa dạng vào các lĩnh vực năng lượng, công nghệ và hạ tầng công nghiệp, nổi bật với dự án Nhà máy điện khí LNG Hiệp Phước giai đoạn 1 tại TP.HCM, nhà máy Token Sciences Việt Nam tại Bắc Ninh, cùng các KCN thế hệ mới như Tam Anh – An An Hòa và Vàm Cống.

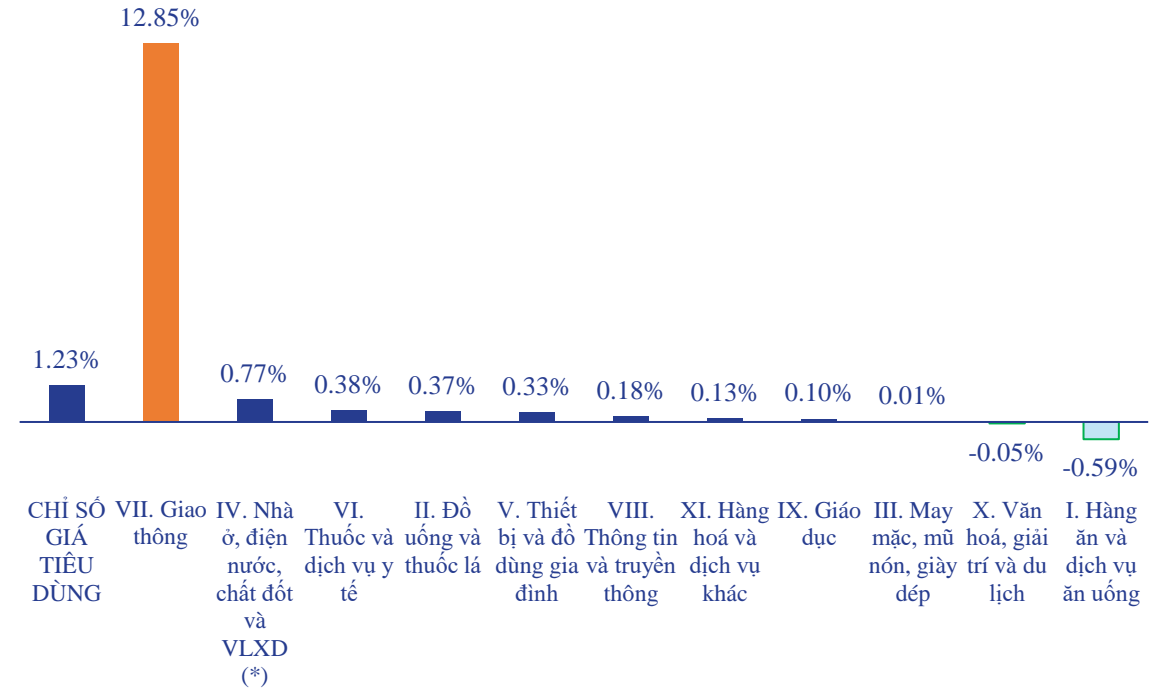
- Chính sách tài khóa quý I/2026 tiếp tục được điều hành theo hướng hỗ trợ tăng trưởng và ổn định vĩ mô. NSNN duy trì thặng dư lớn 299,3 nghìn tỷ đồng, với thu quý I đạt 829,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ.
- Chi NSNN đạt 530,1 nghìn tỷ đồng, tăng 23,1%, cho thấy dư địa tài khóa đang được sử dụng mạnh hơn cho an sinh và đầu tư phát triển.
- Trong tháng 03, Chính phủ tiếp tục dùng công cụ tài khóa để giảm áp lực chi phí, gồm tạm ứng 8.000 tỷ đồng cho Quỹ Bình ổn giá xăng dầu và miễn, giảm thuế phí khoảng 43,6 nghìn tỷ đồng trong quý I.

CPI tháng 3 tăng mạnh, rủi ro chi phí đẩy rõ nét hơn

Lạm phát tháng 03 tăng mạnh



Tốc độ tăng CPI tháng 03/2026 so với tháng trước



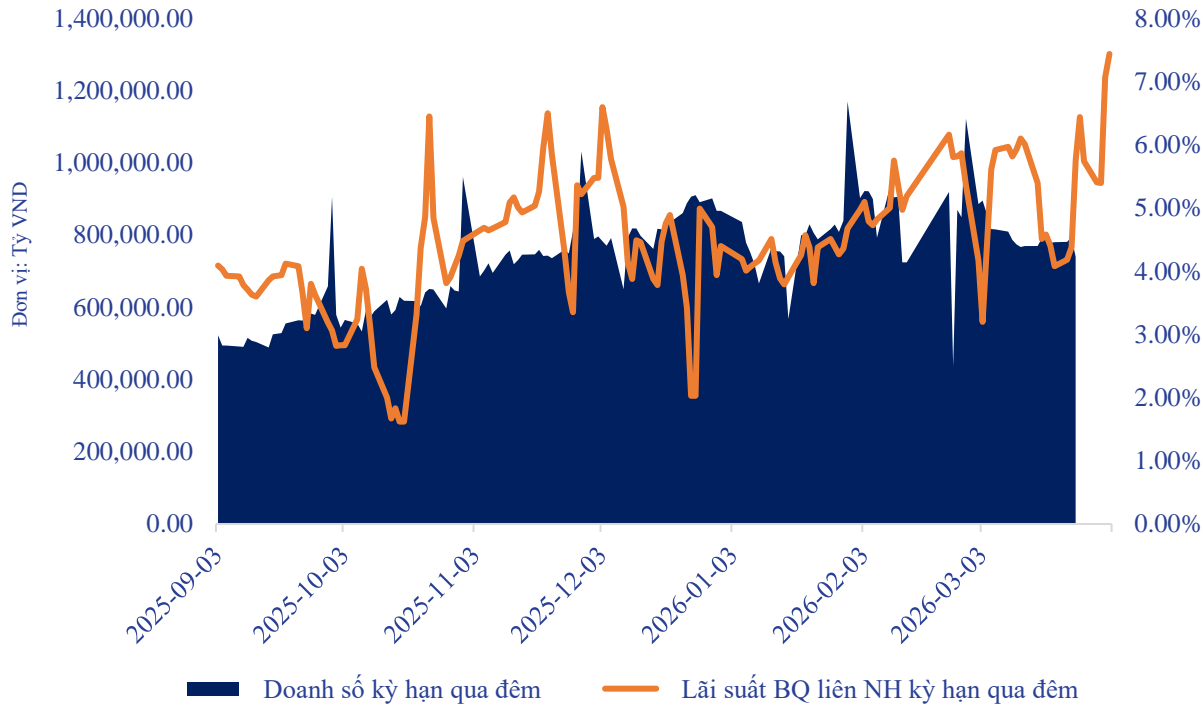
Nguồn: GSO, NSI tổng hợp

- Áp lực lạm phát là một trong những điểm "nóng" nhất trong bức tranh kinh tế quý 1 năm 2026. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2026 tăng 1,23% so với tháng trước và tăng tới 4,65% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng CPI cao nhất của tháng 3 trong vòng 5 năm qua.
- Giá dầu Brent duy trì ngưỡng trên 110 USD/thùng đã thâm thấu nhanh vào chỉ số giá tiêu dùng thông qua nhóm Giao thông và chi phí Logistics. Khác với các chu kỳ trước, áp lực lần này mang tính dài hạn hơn do rủi ro địa chính trị tại eo biển Hormuz vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Loại trừ các mặt hàng biến động, lạm phát lõi đang có xu hướng tăng đều, phản ánh chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao bắt đầu ngấm sâu vào giá hàng hóa dịch vụ tiêu dùng cuối cùng.

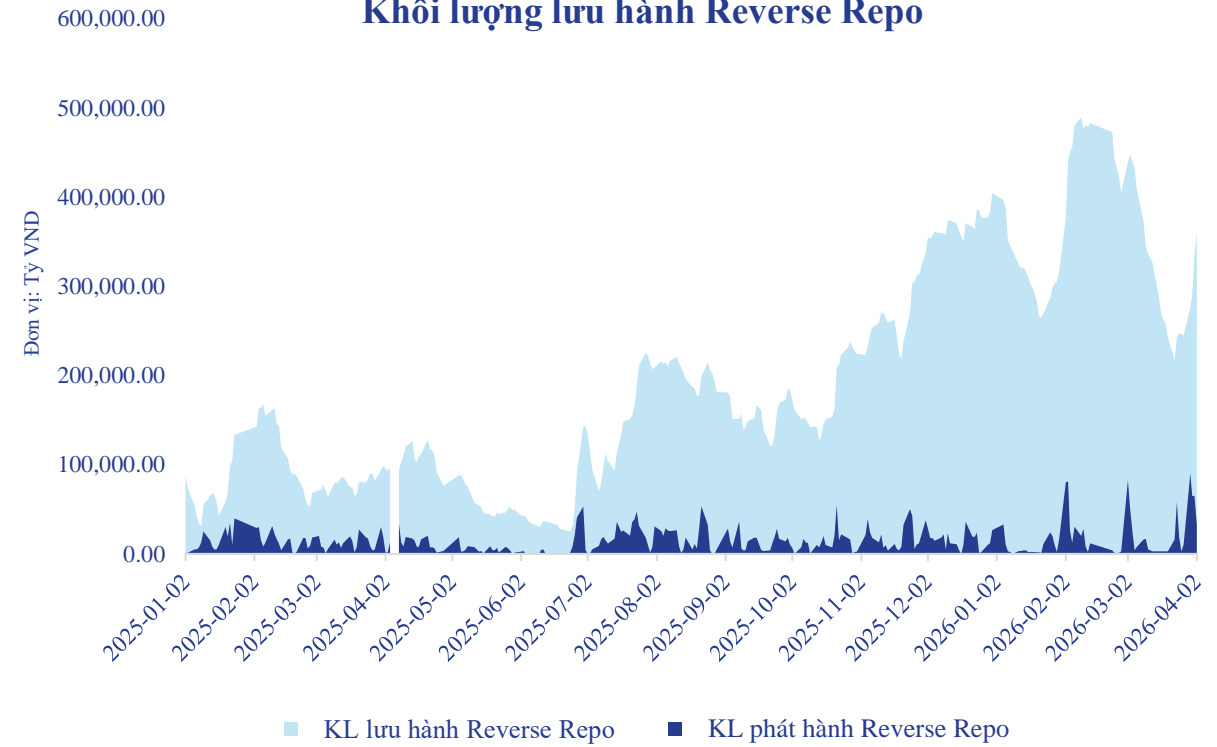
- Với chu kỳ điều chỉnh giá xăng dầu 10 ngày/lần, áp lực chi phí đẩy đã lan tỏa từ nhóm Giao thông sang nhóm Thực phẩm (chi phí vận chuyển tăng 15%). Dự báo CPI quý 2 sẽ chịu hiệu ứng trễ, tạo ra ranh giới mong manh cho mục tiêu kiểm soát lạm phát 4.5%.
- Mặt khác, Tỷ giá USD/VND tiệm cận vùng đỉnh lịch sử không chỉ gây áp lực lên hàng nhập khẩu mà còn làm tăng chi phí cơ hội của hàng xuất khẩu tại chỗ. Các doanh nghiệp sản xuất đang phải đối mặt với "gọng kìm": Chi phí Logistics tăng 18-22% do giá dầu \$110+ và giá nguyên liệu đầu vào tăng theo tỷ giá

Tỷ giá căng thẳng, điều hành tiền tệ chuyển sang thận trọng hơn

Lãi suất LNH qua đêm



Khối lượng lưu hành Reverse Repo



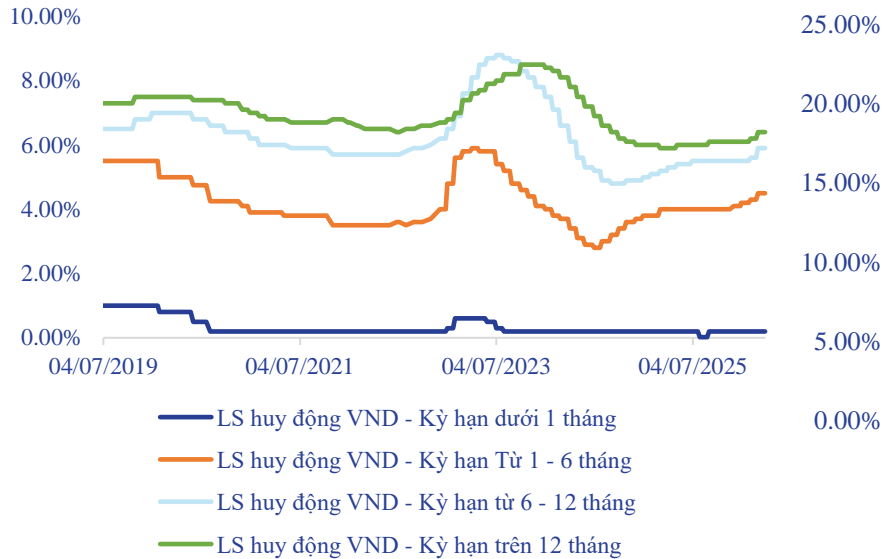
Nguồn: NSI tổng hợp, GSO, Widata

- Thị trường tiền tệ tháng 3/2026 chịu áp lực lớn từ bên ngoài, khi USD mạnh lên, kỳ vọng Fed hạ lãi suất bị lùi lại và căng thẳng địa chính trị làm sức ép lên tỷ giá USD/VND gia tăng rõ rệt.
- Để bảo vệ tỷ giá, NHNN chuyển sang hút bớt thanh khoản VND, tái khởi động kênh tín phiếu từ ngày 11/03, đồng thời duy trì trạng thái hút ròng qua OMO, qua đó phát tín hiệu ưu tiên ổn định ngoại hối hơn là duy trì tiền rẻ. Hệ quả là lãi suất liên ngân hàng biến động rất mạnh, đặc biệt vào cuối tháng khi lãi suất qua đêm tăng vọt lên 12%, phản ánh áp lực thanh khoản ngắn hạn, nhất là ở nhóm ngân hàng có đệm vốn mỏng và phụ thuộc nhiều vào thị trường hai.
- Cuối tháng, NHNN phải can thiệp linh hoạt hơn để hạ nhiệt thị trường, gồm bán USD kỳ hạn có hủy ngang và bơm thanh khoản quy mô lớn, giúp tỷ giá và lãi suất dần ổn định trở lại, dù rủi ro chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động vốn vẫn còn hiện hữu.

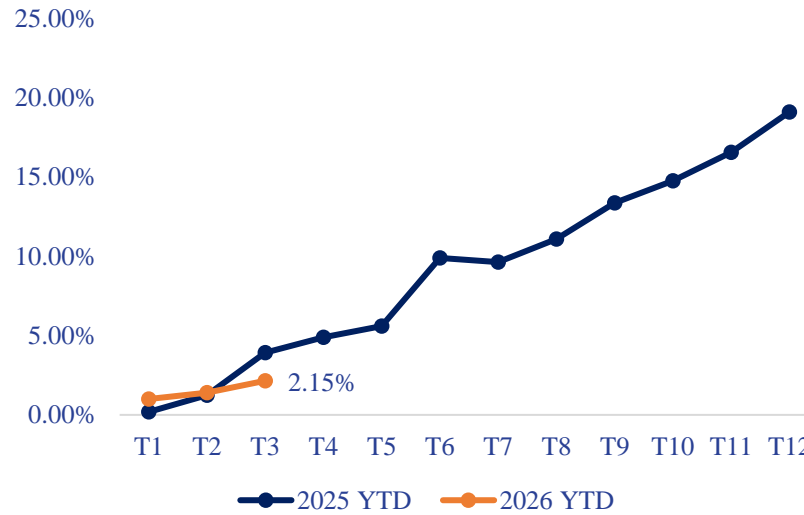
- Dưới áp lực của chi phí vốn liên ngân hàng cao và sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại đã buộc phải điều chỉnh lãi suất huy động trên thị trường dân cư (thị trường một). Trong tháng 3, xu hướng tăng lãi suất tiền gửi đã lan tỏa mạnh mẽ, không chỉ ở nhóm ngân hàng tư nhân mà còn ở cả khối "Big 4"
- Lãi suất huy động các kỳ hạn từ 6 tháng trở lên đã được điều chỉnh tăng từ 0,1 đến 1,4 điểm phần trăm. Thậm chí, nhiều ngân hàng đã niêm yết mức lãi suất lên tới 8 - 9%/năm để thu hút dòng vốn nhàn rỗi trong bối cảnh các kênh đầu tư như vàng và chứng khoán đang cạnh tranh gay gắt. Đây được xem là hành động chuẩn bị nguồn lực cho chu kỳ tăng trưởng tín dụng mới trong quý II, đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường liên ngân hàng đang đầy biến động

Nguồn: NSI tổng hợp, GSO, Wichart, Fiin Group

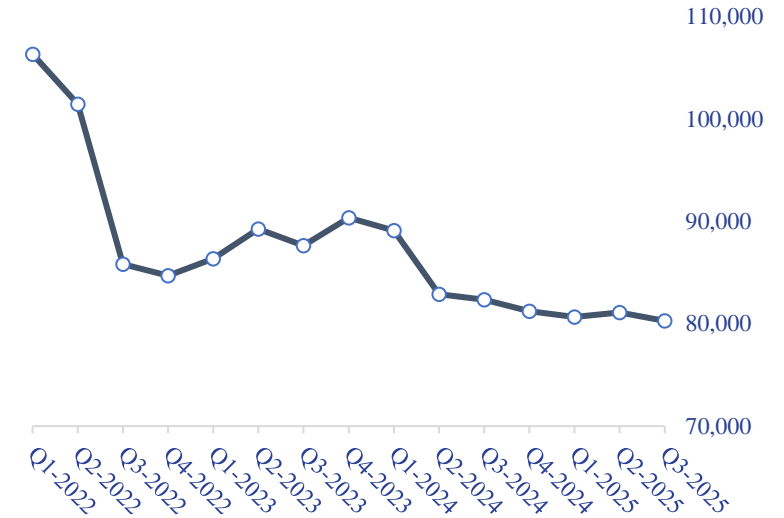
Lãi suất huy động các kỳ hạn



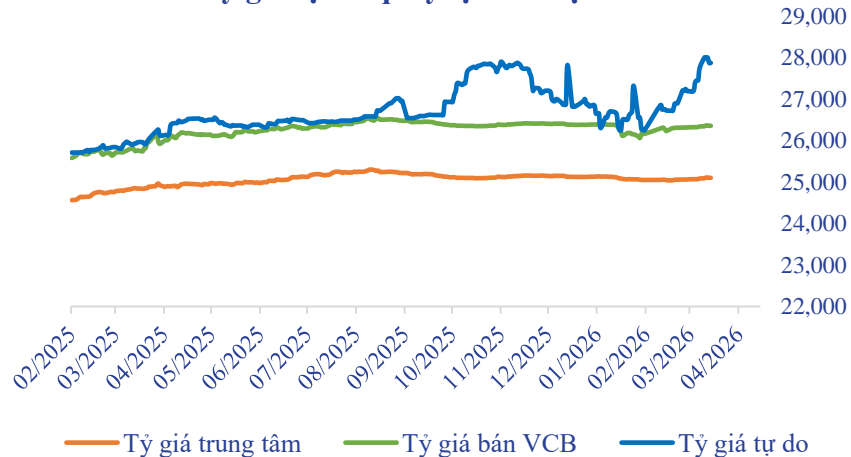
Tăng trưởng tín dụng



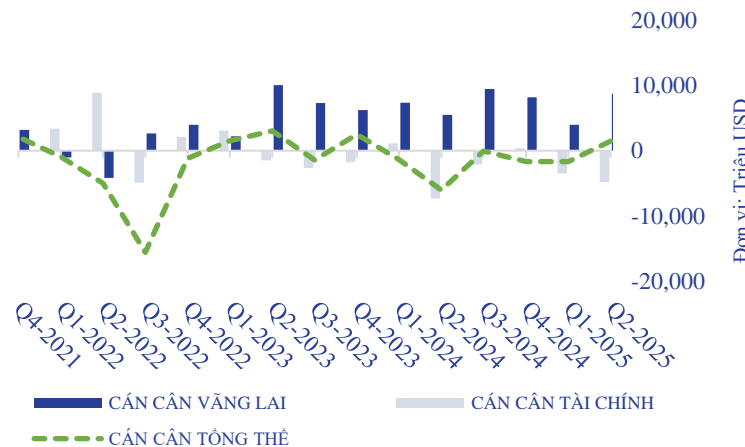
Dự trữ ngoại hối (Triệu USD)



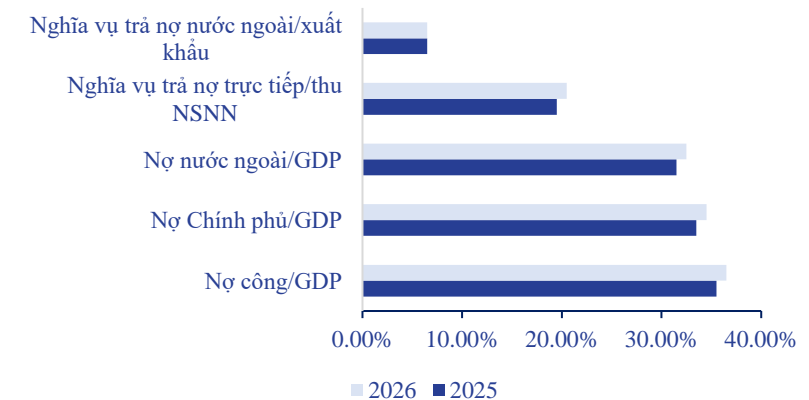
Tỷ giá tự do quay lại đỉnh lịch sử



Cán cân



Tỷ lệ các chỉ tiêu nợ công của Việt Nam ước tính đến cuối năm 2025 và 2026



PHỤ LỤC

		01/2025	02/2025	03/2025	04/2025	05/2025	06/2025	07/2025	08/2025	09/2025	10/2025	11/2025	12/2025	01/2026	02/2026	03/2026
Bán lẻ hàng hóa & dịch vụ	Tổng mức (YoY)	9.50%	9.40%	10.80%	11.20%	10.20%	8.30%	9.20%	10.60%	11.27%	7.23%	7.15%	9.81%	9.32%	8.48%	12.05%
	Bán lẻ hàng hóa	10.20%	10.00%	9.60%	8.80%	8.00%	6.70%	7.70%	10.20%	10.42%	5.73%	6.00%	8.58%	9.30%	8.77%	12.37%
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	12.30%	12.70%	14.10%	16.70%	18.10%	14.10%	16.30%	13.20%	14.98%	14.10%	13.57%	14.20%	9.36%	9.70%	13.93%
	Du lịch lữ hành	17.30%	17.30%	25.10%	46.10%	35.00%	23.90%	12.60%	15.20%	19.69%	18.81%	19.10%	19.92%	14.03%	13.80%	11.51%
	Dịch vụ khác	5.20%	11.70%	9.70%	12.60%	12.70%	11.50%	11.40%	9.80%	12.36%	9.40%	7.21%	12.71%	8.93%	4.37%	7.63%
Đo lường SX	IIP (YoY)	-1.00%	17.60%	9.90%	8.90%	9.40%	10.80%	8.50%	8.90%	13.59%	10.80%	10.76%	10.10%	21.54%	0.96%	6.90%
	Khai khoáng	-12.30%	3.10%	-3.70%	-4.20%	1.20%	2.80%	2.60%	9.10%	22.42%	3.11%	6.98%	0.20%	10.34%	-5.30%	26.65%
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	0.50%	19.70%	11.70%	10.80%	11.00%	12.10%	9.30%	9.50%	12.69%	11.35%	11.77%	10.88%	23.58%	2.34%	17.68%
	Phân phối điện	-4.00%	12.00%	7.00%	4.60%	3.30%	5.90%	7.00%	6.10%	15.37%	11.01%	5.82%	11.16%	14.10%	-4.47%	4.63%
	Cung cấp nước	9.80%	13.60%	15.40%	17.00%	14.30%	11.60%	9.10%	2.40%	8.68%	12.16%	6.52%	6.28%	13.63%	-5.59%	12.11%
	PMI	48.9	49.2	50.5	45.6	49.8	48.9	52.4	50.4	50.4	54.5	53.8	53.00	52.5	54.3	52.1
Xuất nhập khẩu & FDI	Nhập khẩu (YoY)	-2.50%	40.20%	19.40%	22.90%	14.10%	20.20%	17.30%	18.20%	25.30%	16.15%	16.04%	27.22%	49.22%	4.40%	27.83%
	Xuất khẩu (YoY)	-4.00%	26.00%	14.40%	19.80%	17.00%	16.60%	16.20%	13.80%	24.76%	17.30%	15.15%	24.04%	29.67%	5.84%	20.11%
	FDI thực hiện (LK YoY)	2.00%	9.10%	10.00%	7.80%	9.60%	8.80%	10.10%	12.50%	6.75%	11.36%	9.52%	9.51%	11.26%	6.25%	9.34%
	FDI đăng ký (LK YoY)	88.30%	33.10%	116.50%	-8.30%	154.30%	-23.90%	-8.70%	-18.80%	-43.65%	20.36%	-47.32%	-30.93%	-40.48%	34.23%	125.10%
Cung tiền, tín dụng, lãi suất	Dư nợ tín dụng (YoY)	15.70%	16.80%	17.90%	18.80%	18.80%	19.20%	17.60%	19.90%	20.10%	20.49%	20.24%	19.01%	20.49%		
	Tổng phương tiện thanh toán (M2)	13.60%	14.10%	15.20%	16.90%	17.60%	18.60%	18.79%	18.00%	17.89%						
Tỷ giá, lạm phát	Tỷ giá TT tự do (YTD)	-0.50%	-0.50%	0.10%	1.50%	2.30%	2.60%	3.20%	3.00%	3.20%	8.00%	7.00%	4.00%	-1.19%	-0.37%	4.70%
	CPI	3.60%	2.90%	3.10%	3.10%	3.20%	3.50%	3.19%	3.24%	3.38%	3.25%	3.58%	3.48%	2.53%	3.35%	4.65%
	Lạm phát cơ bản	3.10%	2.90%	3.10%	3.10%	3.30%	3.50%	3.25%	3.18%	3.19%	3.20%	3.28%	3.27%	3.19%	3.47%	3.96%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, P.Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại: +8443.9445474

Fax: +84 43.9445475

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 1, 2 số 168 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: +84 8 3821 7262

Fax: +84 8 3821 7305

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Thị Bích Diệp – Macroeconomic Analyst

Email: diepntb@nsi.vn

Các sản phẩm nghiên cứu được cung cấp trực tuyến tại:

Website: <http://nsi.com.vn/NSINews.aspx>

Khuyến cáo: Các báo cáo nghiên cứu chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư. Các báo cáo nghiên cứu không phải lời đề nghị, kêu gọi, mời chào mua hay bán bất kì mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo được chuẩn bị dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của NSI và có thể thay đổi mà không cần thông báo. NSI không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

NSI có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh, với tư cách là một khách hàng sử dụng sản phẩm nghiên cứu. Nhân viên của NSI có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khuyến cáo chung với tất cả các khách hàng mà không cân nhắc khẩu vị rủi ro, năng lực rủi ro, các tiêu chí đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư không nên chỉ dựa vào những khuyến nghị đầu tư (nếu có) trong bản báo cáo này để thay thế cho các quyết định đầu tư độc lập của bản thân. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống và những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai. Trước khi ra quyết định đầu tư, nhà đầu tư nên liên hệ với các cố vấn đầu tư để thảo luận và đưa giá đánh giá cho các trường hợp cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của NSI.

Việc báo cáo nghiên cứu này được phân phối bằng phương thức điện tử không thể đảm bảo tính an toàn, cũng như bị hỏng, bị mất, đến chậm, không đầy đủ hay có chứa các mã độc hại. Do đó nếu báo cáo được phân phối bởi bên thứ ba hoặc có chứa liên kết của bên thứ ba, NSI không xem xét lại và không chịu trách nhiệm cho bất cứ nội dung nào được cung cấp bởi bên thứ ba đó. Người đọc có thể sử dụng bất kì phương thức tiếp cận thông tin nào phù hợp và hoàn toàn chịu rủi ro phát sinh.